

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 15-08-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Hồng Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Văn Thông

2/ Bà Lương Thị Bảo Thùy

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thạch T**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 17/07/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 08 năm 2023 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**. Trụ sở chính: tầng 1,3,4,5,6 tòa nhà Thaihodings Tower, **số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội**.

Đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Doãn S**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Công Đ**. Chức vụ: Giám đốc **Chi nhánh Đ1**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Ngọc C**, sinh năm 1991. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch. Địa chỉ: **số C, tổ C, quốc lộ A, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai**. (Quyết định ủy quyền số 361/2022/QĐ-LPB. ĐNAI ngày 01/12/2022). (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Tuấn T1**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Số B, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B** do ông **Trần Ngọc C** đại diện trình bày:

Ngày 09/12/2021 ông **Huỳnh Tuấn T1** đã đề nghị **Ngân hàng TMCP B - chi nhánh Đ1** cấp tín dụng số tiền 40.000.000đ và cũng trong ngày 09/12/2021 **Ngân hàng TMCP B - chi nhánh Đ1** đã ký hợp đồng tín dụng số HĐTD41C2021125 với ông **Huỳnh Tuấn T1**, đồng ý cấp tín dụng cho ông **T1** với số tiền là 40.000.000đ để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay kể từ ngày 08/12/2021 cho đến hết ngày 08/09/2022. Lãi suất vay là 9.30%/năm cố định trong vòng 3 tháng. Do ông **T1** là bảo vệ của Ngân hàng nên được áp dụng mức lãi suất thấp.

Trong suốt quá trình vay vốn, ông **T1** có phát sinh chậm trả nhưng vẫn thanh toán đầy đủ nợ gốc lãi cho Ngân hàng. Đến kỳ trả nợ tháng 08/2022 thì ông **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời tháng 8 năm 2022 thì ông **T1** nghỉ việc ở Ngân hàng. Ngân hàng thường xuyên thông báo số tiền đến hạn, đốc thúc ông **Thanh thanh t** và đã làm việc trực tiếp với ông **T1** thu xếp thanh toán gốc lãi quá hạn cho Ngân hàng. Ông **T1** cam kết sẽ cố gắng thanh toán các khoản nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 15/08/2023 ông **Huỳnh Tuấn T1** còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 36.922.680đ. Trong đó tiền nợ gốc là 32.411,333 đ, tiền lãi thông thường là 82.350đ; lãi quá hạn là 4.428.997đ. Đề nghị Tòa án buộc ông **Huỳnh Tuấn T1** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nêu trên và khoản lãi phát sinh sau ngày 15/08/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngân hàng chỉ yêu cầu mình ông **T1** có trách nhiệm trả nợ mà không yêu cầu vợ ông **T1** cùng trả khoản nợ trên.

Tài liệu, chứng cứ Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án: Đơn khởi kiện; Điều lệ ngân hàng; CCCD; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, quyết định thành lập **Ngân Hàng thương mại cổ phần L**, Quyết định Ủy quyền, quyết định bổ nhiệm ông **Phạm Công Đ**, Hợp đồng tín dụng (bản chính); giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi kiêm phương án trả nợ; Quyết định số 361/QĐ về ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án; Quyết định bổ nhiệm ông **Trần Ngọc C**, đơn đề nghị; chứng minh nhân dân **Trần Ngọc C**. Sổ hộ khẩu của **Tuấn T1**; chứng minh nhân dân của **Tuấn T1**.

- Ông **Huỳnh Tuấn Thanh vắng m** nên không có lời trình bày. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định.

Tài liệu, chứng cứ ông **T1** đã giao nộp cho Tòa án: không.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh.

I. Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh** phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán

- *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng với ông Huỳnh Tuấn T1, căn cứ vào hợp đồng xác định ông T1 vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* ông Huỳnh Tuấn T1 có nơi cư trú ở thành phố L, thuộc nên thẩm quyết của TAND thành phố Long Khánh quy định tại điểm a khoản 1, Điều 39 BLTTDS.

- *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự :*

Nguyên đơn, bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng với ông Huỳnh Tuấn T1, vì vậy tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là nguyên đơn, ông T1 là bị đơn trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS.

- *Về thu thập chứng cứ:* đầy đủ theo quy định của pháp luật theo Điều 97 BLTTDS.

- *Cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng:* đúng quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật TTDS.

- *Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu:* Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- *Thời hạn giải quyết:* Ngày 04/4/2023, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 17/7/2023, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Về thành phần tham gia xét xử hôm nay đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký tại phiên tòa: đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhưng vắng mặt không

có lý do nên Tòa án không tiến hành làm việc được, vi phạm quy định tại Điều 70 BLTTDS.

II. Về việc giải quyết vụ án dân sự

- Đối với yêu cầu trả số tiền gốc 32.411.333đ của nguyên đơn: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HDTD41C2021125 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông Huỳnh Tuấn T1, xác định ngày 09/12/2021, Ngân hàng cho ông T1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, từ 08/12/2021 đến hết ngày 08/9/2022. Lãi suất vay là 9.30%/năm, cố định trong vòng 03 tháng. Đến kỳ trả nợ tháng 8/2022, ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 15/8/2023, ông T1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 32.411.333đ, nay Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc trên. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HDTD41C2021125, xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, buộc ông Thanh thanh t cho Ngân hàng số tiền 32.411.333đ.

- Đối với yêu cầu trả lãi suất: Tính đến ngày 15/08/2023, Ngân hàng yêu cầu ông T1 trả số tiền lãi thông thường là 82.350 đồng và lãi quá hạn là 4.428.997đ. Tổng 36.922.680đ và nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/08/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HDTD41C2021125 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông Huỳnh Tuấn T1, xét thấy, yêu cầu trả lãi suất của Ngân hàng là có cơ sở, buộc ông Thanh thanh t cho Ngân hàng tổng số tiền lãi thông thường, lãi quá hạn là 4.428.997đ và nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/08/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là 36.922.680đ.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Tuấn T1 buộc ông T1 phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/8/2023 là 36.922.680đ. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Huỳnh Tuấn T1 có địa chỉ cư trú tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 15/08/2023 ông **Trần Ngọc C** là đại diện của **Ngân hàng TMCP B** có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông **Huỳnh Tuấn T1** đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử theo quy định.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Căn cứ Điều 92 BLTTDS, xác định hợp đồng vay tài sản giữa **Ngân hàng TMCP B** và ông **Huỳnh Tuấn T1** là có thật theo hợp đồng tín dụng số HĐTD41C2021125 ngày 09/12/2021. Trong suốt quá trình vay vốn, ông **T1** có chậm trả nhưng vẫn thanh toán đầy đủ nợ gốc lãi cho Ngân hàng. Đến kỳ trả nợ tháng 08/2022 thì ông **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thường xuyên thông báo số tiền đến hạn, đốc thúc ông **Thanh thanh t**. Ông **T1** cam kết sẽ thanh toán các khoản nợ nhưng vẫn không thực hiện. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông **T1** vẫn vắng mặt không lý do. Tính đến ngày 15/8/2023, ông **T1** còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 32.411.333đ, nay Ngân hàng yêu cầu ông **T1** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc trên là có cơ sở nên chấp nhận. Ngân hàng chỉ yêu cầu mình ông **T1** có nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông **T1** phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi nhận thấy: Tính đến ngày 15/08/2023, Ngân hàng yêu cầu ông **T1** trả số tiền lãi thông thường là 82.350 đồng và lãi quá hạn là 4.428.997đ và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/08/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HĐTD41C2021125 giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B** với ông **Huỳnh Tuấn T1**, xét thấy, yêu cầu buộc ông **T1** phải trả lãi cho Ngân hàng là có cơ sở, nên chấp nhận. Vì vậy cần buộc ông **Huỳnh Tuấn T1** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP B** số tiền nợ vay tính đến ngày 15/08/2023 là 36.922.680đ. Trong đó nợ gốc là 32.411.333đ, lãi thông thường là 82.350 đ và lãi quá hạn là 4.428.997đ. Đồng thời ông **T1** còn phải chịu khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/08/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

[5] Về án phí: Buộc ông **Huỳnh Tuấn T1** phải nộp 1.846.134đ tiền án phí dân sự sơ thẩm ($36.922.680đ \times 5\% = 1.846.134đ$). Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP B** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 855.797đ theo biên lai thu tiền số 0006704 ngày 03/04/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Khánh.

[6] Xét quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357, 463, 465, 468 và Điều 470 - Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần B** đối với ông **Huỳnh Tuấn T1** về việc yêu cầu trả nợ vay.

2. Buộc ông **Huỳnh Tuấn T1** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** số tiền nợ vay tính đến ngày 15/8/2023 là 36.922.680đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 32.411.333đ, lãi thông thường là 82.350đ và lãi quá hạn là 4.428.997đ.

Ông **Huỳnh Tuấn T1** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 16/08/2023 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD41C2021125 ngày 09/12/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

3. Về án phí: Buộc ông **Huỳnh Tuấn T1** phải nộp 1.846.134đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP B** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 855.797đ theo biên lai thu tiền số 0006704 ngày 03/04/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Khánh.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện KSND thành phố Long Khánh;
- Chi cục THADS thành phố Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thị Hồng Năm

